

Số: 05/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển
Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội tại văn bản số 28/TTr-HĐQT ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại văn bản số 122/TTr-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2022, văn bản số 156/TTr-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030” với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Tín dụng chính sách xã hội là giải pháp quan trọng thực hiện các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước về tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện công bằng xã hội và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia cũng như phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Duy trì và tiếp tục phát huy hiệu lực, hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách xã hội đặc thù, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam.

c) Tập trung, thống nhất chức năng tín dụng chính sách từ các ngân hàng thương mại sang Ngân hàng Chính sách xã hội. Nâng cao năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội để phát triển theo hướng ổn định, bền vững, đủ năng lực để thực hiện tốt tín dụng chính sách xã hội.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội thành tổ chức có khả năng tự chủ và phát triển ổn định lâu dài, đồng thời duy trì được vai trò là định chế tài chính công thực hiện các chính sách xã hội của Chính phủ, tập trung vào những lĩnh vực mà các tổ chức tài chính hoạt động theo nguyên tắc thị trường không thể đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng được một phần. Nhà nước tập trung nguồn lực cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội phù hợp với các chương trình mục tiêu quốc gia và các nội dung của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện có hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tăng cường nguồn lực cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội. Trong đó: (i) tăng trưởng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước bình quân hằng năm khoảng 10%; (ii) cơ cấu nguồn vốn theo hướng ổn định, bền vững, hằng năm tăng dần tỷ trọng nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước và nguồn vốn từ phát hành trái phiếu Ngân hàng Chính sách xã hội được Chính phủ bảo lãnh.

- Thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội được Chính phủ giao và các chương trình tín dụng do các địa phương, các tổ chức, đơn vị giao vốn ủy thác; 100% người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính do Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp.

- Tỷ lệ nợ quá hạn dưới 2%/tổng dư nợ.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội: hằng năm ngân sách địa phương ủy thác nguồn vốn để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác chiếm khoảng 15% - 20% tăng trưởng dư nợ tín dụng chung của Ngân hàng Chính sách xã hội; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội.

- Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có đạo đức nghề nghiệp, có đầy đủ kỹ năng nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu lực hệ thống kiểm tra, giám sát

nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, hiện đại hóa ngân hàng. Phát triển hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật. Xây dựng nền tảng ngân hàng số, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp, hiện đại hóa công tác quản trị điều hành của Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm phục vụ tốt hơn các đối tượng chính sách góp phần thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia của Chính phủ và Chiến lược Công nghệ thông tin ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025 định hướng đến 2030.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội

a) Tiếp tục tổ chức nghiên cứu, phổ biến, quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư tới 100% các tổ chức, cơ sở đảng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò của tín dụng chính sách xã hội.

b) Chủ động đề xuất, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư.

c) Phát huy vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

2. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách, các quy định liên quan đến tổ chức, hoạt động tín dụng chính sách xã hội của Ngân hàng Chính sách xã hội

Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời ban hành cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội nhằm huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tín dụng chính sách xã hội; tạo điều kiện cho Ngân hàng Chính sách xã hội mở rộng huy động nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức và xã hội; từng bước mở rộng đối tượng chính sách xã hội được vay vốn, nâng mức cho vay, thời hạn cho vay phù hợp với mục tiêu các chương trình mục tiêu quốc gia và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.
Cụ thể:

a) Rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội, chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác phù hợp từng giai đoạn.

b) Nghiên cứu, xây dựng Nghị định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; nghiên cứu, sửa đổi chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ; hoàn thiện cơ chế xử lý nợ bị rủi ro và cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động huy động vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định của pháp luật về tập trung huy động vốn cho tín dụng chính sách xã hội.

3. Tập trung nguồn lực cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội

a) Tập trung nguồn lực nhà nước thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, các chương trình mục tiêu Quốc gia, đảm bảo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Bố trí đủ, kịp thời nguồn vốn để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công. Vốn điều lệ được bổ sung hằng năm tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Tập trung các nguồn vốn tín dụng chính sách có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn có tính chất từ thiện và các nguồn vốn hợp pháp khác vào Ngân hàng Chính sách xã hội. Phần đầu đến năm 2030, nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp chiếm 30%/tổng nguồn vốn.

c) Cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng chính sách xã hội. Đến năm 2030, nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương chiếm 15%/tổng nguồn vốn.

d) Duy trì số dư tiền gửi bằng 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước của các tổ chức tín dụng Nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

đ) Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền nâng hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Phần đầu đến năm 2030 nguồn vốn từ phát hành trái phiếu Ngân hàng Chính sách xã hội được Chính phủ bảo lãnh chiếm 30%/tổng nguồn vốn.

e) Duy trì các hoạt động giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, tham gia thị trường mở nhằm đa dạng hóa hoạt động huy động vốn và sử dụng vốn. Tăng cường huy động nguồn vốn trên thị trường thông qua các hình thức phát hành giấy tờ có giá, huy động vốn từ tiền gửi, tiền vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với các quy định pháp luật.

g) Tổ chức các cuộc vận động vì người nghèo đến các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và các cá nhân để huy động bổ sung nguồn vốn cho tín dụng chính sách xã hội. Khuyến khích các tổ chức tài chính, các tập đoàn kinh tế... đóng góp vào nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội.

4. Triển khai thực hiện tốt các chương trình tín dụng chính sách xã hội được giao

a) Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, nâng cao đời sống cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo an sinh xã hội.

b) Chủ động rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách hiện hành để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn hoạt động tín dụng chính sách xã hội với chủ trương đổi mới, mở rộng chính sách tín dụng theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo lồng ghép có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội với các hoạt động khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm; tập huấn và hướng dẫn người dân các kiến thức cơ bản về tài chính, ngân hàng, kỹ năng quản lý tài chính cá nhân, sử dụng vốn vay hiệu quả, khuyến khích người vay tham gia xây dựng các mô hình sản xuất, chuỗi liên kết, tổ hợp tác... nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn tín dụng chính sách xã hội.

5. Duy trì và phát huy hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù

a) Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp trong việc tham mưu, hoạch định chính sách, chỉ đạo, giám sát thực thi các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước và quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nghiên cứu bổ sung lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban đảng và một số bộ, ngành liên quan tham gia Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Thực hiện có hiệu quả công tác điều hành từ trung ương đến cơ sở, chủ động cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, Nghị quyết và các nhiệm vụ được giao.

c) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, sự tham gia, giám sát của Trưởng cấp thôn trong việc quản lý nguồn vốn tín dụng trên địa bàn nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội.

d) Tổ chức chính trị - xã hội các cấp nâng cao vai trò trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội, chất lượng hoạt động ủy thác, đảm bảo quản lý tốt hoạt động tín dụng chính sách xã hội, chú trọng làm tốt công tác nhận diện, xác nhận đối tượng vay vốn, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn sử dụng vốn vay có hiệu quả. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nghiệp vụ ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình nghiệp vụ tín dụng.

đ) Thường xuyên kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn và năng lực cho đội ngũ Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và vay vốn, thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm trong việc thực hiện các nội dung công việc được Ngân hàng Chính sách xã hội ủy nhiệm; chú trọng, tăng cường kiểm tra, giám sát, hỗ trợ hộ vay vốn sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả với phương châm “thấu hiểu lòng dân, tận tâm phục vụ”.

e) Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động giao dịch tại Điểm giao dịch xã, tập trung nhân lực, trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả. Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, công khai chủ trương, chính sách và kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội tại Điểm giao dịch xã nhằm phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm tra, giám sát

a) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp, phát huy vai trò của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; gắn hiệu quả hoạt động giám sát, kiểm toán nội bộ với việc nâng cao khả năng cảnh báo sớm đối với những rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Nâng cao vai trò, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm tra, giám sát; đảm bảo tính độc lập, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và phối hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ; đổi mới phương pháp và kỹ năng kiểm tra, kiểm soát phù hợp với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện tín dụng chính sách xã hội; vai trò chủ thể của người dân trong giám sát cộng đồng; các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức Hội, đoàn thể cấp dưới; nâng cao chất lượng kiểm tra việc sử dụng vốn vay và giám sát hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

7. Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ với các tính năng hiện đại, chi phí hợp lý, phù hợp với đối tượng khách hàng của Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Nghiên cứu, phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ theo hướng hiện đại, tiện lợi, dễ sử dụng, chi phí phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của khách hàng khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, người có thu nhập thấp, người yếu thế, các doanh nghiệp nhỏ, các hợp tác xã, nhằm thực hiện tốt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phù hợp với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Tiêu chuẩn hóa quy trình các sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở tuân thủ các quy định Nhà nước, của ngành ngân hàng, phù hợp với hệ thống đảm bảo phục vụ tốt cho các đối tượng của Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Nâng cấp tính năng các sản phẩm, dịch vụ do Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động, tạo niềm tin cho khách hàng và bảo vệ người sử dụng.

8. Nâng cao năng lực tài chính đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Bố trí nguồn lực với cơ cấu hợp lý nhằm tiết giảm chi phí đầu vào, hỗ trợ các đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách và thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội.

b) Phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, sử dụng vốn tiết kiệm hiệu quả, nâng cao năng suất lao động.

c) Tiếp tục thực hiện cơ chế ưu đãi về lãi suất phù hợp với khả năng tài chính của Nhà nước và của đối tượng vay vốn trong từng thời kỳ. Mức độ ưu đãi về lãi suất phân biệt theo các nhóm đối tượng thụ hưởng, sẽ giảm dần và được thay thế bằng các hình thức ưu đãi về quy trình, thủ tục và điều kiện vay vốn. Mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và vùng đặc biệt khó khăn. Đối với hộ cận nghèo, hộ không thuộc diện hộ nghèo được hưởng một số chính sách tín dụng ưu đãi, lãi suất tiếp cận dần với lãi suất thị trường.

d) Chú trọng phát triển nhằm tăng các khoản thu từ hoạt động dịch vụ.

9. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực theo hướng chất lượng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

a) Tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng phục vụ đến khách hàng là đối tượng chính sách. Có chính sách thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực phù hợp với tín dụng chính sách xã hội tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đặc biệt khó khăn.

b) Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, người lao động của Ngân hàng Chính sách xã hội giỏi về chuyên môn, có phẩm chất về đạo đức nghề nghiệp, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, phương thức làm việc tiên tiến, hiện đại.

c) Chú trọng công tác quy hoạch, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp cán bộ, có đủ trình độ, năng lực, uy tín, sức khỏe nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

d) Phối hợp đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác ủy thác, cán bộ Tổ Tiết kiệm và vay vốn nâng cao kiến thức, kỹ năng triển khai tín dụng chính sách xã hội.

10. Nâng cao năng lực quản lý và xử lý nợ rủi ro

a) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu nhận biết, cảnh báo sớm rủi ro tín dụng nhằm hạn chế những rủi ro trong quá trình thực hiện tín dụng chính sách xã hội.

b) Hoàn thiện quy chế phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, quy định hướng dẫn xử lý rủi ro do nguyên nhân khách quan chặt chẽ, phù hợp với đối tượng, đảm bảo công khai, minh bạch, đủ nguồn lực để xử lý nợ bị rủi ro.

c) Xử lý kịp thời, chính xác, khách quan các khoản nợ bị rủi ro theo đúng quy định, nhằm hỗ trợ các đối tượng kịp thời tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất, tạo sinh kế, ổn định cuộc sống.

11. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Phát triển hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, hiện đại hóa ngành ngân hàng, phù hợp với hoạt động đặc thù của tín dụng chính sách xã hội.

b) Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và nâng cao chất lượng hoạt động.

c) Triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật nhằm đảm bảo hoạt động liên tục của các hệ thống thông tin.

d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển.

12. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế và công tác truyền thông của Ngân hàng Chính sách xã hội; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục giải quyết công việc

a) Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, nhằm khai thác các nguồn lực hợp pháp để nâng cao năng lực hoạt động cho Ngân hàng Chính sách xã hội, đồng thời chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông, trong đó chú trọng truyền thông đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đặc biệt khó khăn nhằm

tuyên truyền đầy đủ, kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội, góp phần gia tăng niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

c) Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục giải quyết công việc tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng phục vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước, nhân dân đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, ban ngành trung ương, cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan

a) Thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW của Ban Bí thư.

b) Các bộ, ban, ngành cơ quan trung ương liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao rà soát, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách liên quan đến tín dụng chính sách xã hội. Đồng thời, khi tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách có liên quan đến tín dụng chính sách xã hội phải đề xuất, bố trí nguồn lực tương ứng để tổ chức thực hiện.

c) Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù.

d) Nghiên cứu, bổ sung lồng ghép hoạt động tín dụng chính sách khi đề xuất triển khai các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo đảm bảo đồng bộ, phù hợp với nguồn lực và thực tiễn hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, trong đó cần tăng cường công tác giám sát, thanh tra định kỳ, đột xuất đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo hướng tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoàn thiện mô hình hoạt động để phát huy vai trò tín dụng chính sách xã hội.

c) Chỉ đạo việc duy trì nguồn tiền gửi 2% số dư nguồn vốn huy động bằng đồng Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước của các tổ chức tín dụng nhà nước gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và nguồn vốn bổ sung (nếu có) cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, cơ quan liên quan tổng hợp trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho Ngân hàng Chính sách xã hội; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, cơ quan liên quan tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hằng năm cho Ngân hàng Chính sách xã hội trước năm kế hoạch.

4. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ; một số quy định của pháp luật liên quan để tập trung huy động nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội; hoàn thiện cơ chế xử lý nợ bị rủi ro, cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan báo cáo, trình cấp có thẩm quyền về việc nâng hạn mức phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nghiên cứu, hoàn thiện chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, làm cơ sở hoàn thiện cơ chế tín dụng chính sách xã hội, rà soát, xác nhận đối tượng hưởng tín dụng chính sách xã hội.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương rà soát, bổ sung kịp thời hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và chuẩn nghèo các giai đoạn tiếp theo để làm căn cứ cho việc triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền cơ chế tiền lương đúng quy định và phù hợp với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

6. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Hằng năm, cân đối, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm bổ sung nguồn vốn cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác; quan tâm chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội; hỗ trợ về cơ sở vật chất, địa điểm, trang thiết bị, phương tiện làm việc nhằm nâng cao năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Chỉ đạo, tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn làm căn cứ vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Chỉ đạo các ngành, các tổ chức phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội. Xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án phát triển kinh tế của địa phương với việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, đào tạo nghề để hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận và từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tín dụng chính sách xã hội.

7. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Tiếp tục tổ chức tốt cuộc vận động “Vì Người nghèo”, nghiên cứu bổ sung vào Quy chế vận động, quản lý và sử dụng Quỹ “Vì Người nghèo” quy định Quỹ “Vì Người nghèo” các cấp được gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội để có thêm nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo.

8. Các tổ chức chính trị - xã hội

Đề nghị các Tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện tốt công tác nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách; tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội; đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến mọi tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội; phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép giữa vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội với áp dụng khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề.

9. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược. Cụ thể hóa các nội dung Chiến lược vào chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm, 05 năm.

b) Tổ chức tuyên truyền các nội dung Chiến lược đến các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là người nghèo và các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

c) Chủ động phối hợp với các bộ, ngành, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chiến lược.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Chiến lược, định kỳ hằng năm báo cáo cấp có thẩm quyền; tổ chức sơ kết (vào năm 2025), tổng kết (vào năm 2030) rút kinh nghiệm việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu của Chiến lược trong từng giai đoạn.

đ) Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện tín dụng chính sách xã hội, trên cơ sở đó kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, nhằm tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội và hiệu quả tín dụng chính sách xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). M.Cường *AM O*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh